

Số: 1298 /QĐ-TCQLTT

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
của lực lượng Quản lý thị trường**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-BCT ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Công Thương về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của lực lượng Quản lý thị trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp - Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của lực lượng Quản lý thị trường”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Tổng cục; Vụ trưởng Vụ Tổng hợp - Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *af*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên (để b/c);
- Thứ trưởng Đặng Hoàng An (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng;
- Vụ TC&ĐMDN (BCT);
- Lưu: VT, THKHTC.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



[Handwritten signature]
Trần Hữu Linh

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Phu lục
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số **1298** /QĐ-TCQLTT ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tổng cục Quản lý thị trường)

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Đơn giá mua tối đa (đồng/1 thiết bị)	Địa điểm trang bị	Định mức phân bố tối đa	Ghi chú
1	Máy tính xách tay chuyên dùng chống va đập	Bộ vi xử lý tối thiểu Intel® Core™ i5-1135G7, 8M Cache, 2.40 GHz Bộ nhớ trong (RAM) tối thiểu 8 GB Dung lượng ổ đĩa cứng tối thiểu 512 GB loại SSD Kích thước màn hình tối thiểu 14 inch; Độ phân giải tối thiểu 1920 x 1080 Full HD Đồ họa (graphics): Intel® Iris® Xe Graphics Tích hợp loa stereo, microphone kỹ thuật số Tích hợp khe đọc thẻ SD, cổng RS232; cổng HDMI® hỗ trợ HDCP; cổng hiển thị VGA; cổng Ethernet RJ-45; cổng USB Hỗ trợ tai nghe với microphone tích hợp sẵn Hỗ trợ kết nối không dây, camera, bảo mật Máy tính phải đạt các chứng chỉ ISO; Đạt tiêu chuẩn về độ bền.	30.000.000	Vụ Thanh tra - Kiểm tra thuộc Tổng cục; Các Phòng nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường; Phòng Nghiệp vụ tổng hợp; Phòng Thanh - Pháp chế; Phòng Phối hợp liên ngành thuộc Cục Quản lý thị trường; các Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục Quản lý thị trường.	01 thiết bị/ 02 Kiểm soát viên	

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Đơn giá mua tối đa (đồng/1 thiết bị)	Địa điểm trang bị	Định mức phân bố tối đa	Ghi chú
2	Máy in xách tay lưu động kèm Pin	Đầu phun loại: Vĩnh viễn Độ phân giải khi in: Tối đa 4.800 (ngang) x 1.200 (dọc) dpi Tốc độ in tối thiểu - Tài liệu (ESAT/Một mặt): Xấp xỉ 9,0 ipm (Đen trắng) / 5,5 ipm (Màu) - Giao thức mạng: SNMP, HTTP, TCP/IP (IPv4/IPv6) - LAN Không dây - Loại mạng: IEEE802.11n/g/b/a - Kết nối trực tiếp (LAN không dây): Khả dụng Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	20.000.000	Vụ Thanh tra - Kiểm tra thuộc Tổng cục; Các Phòng nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường; Phòng Nghiệp vụ tổng hợp; Phòng Thanh - Pháp chế; Phòng Phối hợp liên ngành thuộc Cục Quản lý thị trường; các Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục Quản lý thị trường.	01 thiết bị/ 02 Kiểm soát viên	
3	Xe máy	- Dung tích động cơ tối thiểu 110cc - Mô men xoắn tối thiểu là 9,9 Nm / 6.500 vòng/phút - Công suất tối thiểu: 7,11 kW/7.500 vòng/phút	50.000.000	Các Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục ở khu vực đồng bằng	01 thiết bị/ 02 Kiểm soát viên	
		- Dung tích động cơ tối thiểu 110 cc - Mô men xoắn tối thiểu là 9,9 Nm / 6.500 vòng/phút - Công suất tối thiểu: 7,11 kW/7.500 vòng/phút - Hệ thống phanh đĩa, vành đúc		Các Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục ở khu vực miền núi		

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Đơn giá mua tối đa (đồng/1 thiết bị)	Địa điểm trang bị	Định mức phân bố tối đa	Ghi chú
4	Máy bộ đàm cầm tay	Radio kỹ thuật số đa giao thức; Số lượng kênh tiêu chuẩn tối thiểu: 512; Công suất đầu ra âm thanh tối thiểu 4 Watts at 4Ω; Có hỗ trợ các tính năng: Cuộc gọi tin nhắn (Paging call); Cuộc gọi khẩn cấp; Kiểm tra/khóa/xóa bộ đàm từ xa. Hỗ trợ giảm tiếng ồn chủ động	15.000.000	Vụ Thanh tra - Kiểm tra thuộc Tổng cục; Các Phòng nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường; Phòng Nghiệp vụ tổng hợp; Phòng Thanh - Pháp chế; Phòng Phối hợp liên ngành thuộc Cục Quản lý thị trường; các Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục Quản lý thị trường.	01 thiết bị/đơn vị	
5	Máy ghi âm nghiệp vụ	- Ghi âm chất lượng cao - Micro âm thanh hỗ trợ giảm nhiễu tín hiệu nền. - Ghi âm tức thời - Giảm tiếng ồn nền; Ghi âm giọng nói tự động - Hỗ trợ tìm đúng nội dung	10.000.000	Vụ Thanh tra - Kiểm tra thuộc Tổng cục; Các Phòng nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường; Phòng Nghiệp vụ tổng hợp; Phòng Thanh - Pháp chế; Phòng Phối hợp liên ngành thuộc Cục Quản lý thị trường; các Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục Quản lý thị trường.	01 thiết bị/đơn vị	
6	Máy quay kỹ thuật số	- Có cảm biến hình ảnh - Ống kính: zoom quang tối thiểu 20x - Quay hình: tối thiểu full HD - Chống rung. - Có thẻ nhớ tương thích đi kèm	30.000.000	Vụ Thanh tra - Kiểm tra thuộc Tổng cục; Các Phòng nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường; Phòng Nghiệp vụ tổng hợp; Phòng Thanh - Pháp chế; Phòng Phối hợp liên ngành thuộc Cục Quản lý thị trường; các Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục Quản lý thị trường.	01 thiết bị/đơn vị	

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Đơn giá mua tối đa (đồng/1 thiết bị)	Địa điểm trang bị	Định mức phân bố tối đa	Ghi chú
7	Máy quay hồng ngoại tầm xa	- Máy quay chuyên dụng ban đêm, ghi hình trong điều kiện không có ánh sáng; - Ống kính theo máy 70-300mm F4.5 zoom Lens	280.000.000	Vụ Thanh tra - Kiểm tra thuộc Tổng cục; Các Phòng nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường; Phòng Nghiệp vụ tổng hợp; Phòng Thanh - Pháp chế; Phòng Phối hợp liên ngành thuộc Cục Quản lý thị trường; các Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục QLTT.	01 thiết bị/đơn vị	
8	Máy in màu	In tia laser màu Tốc độ in: - A4: 18 / 18 ppm (Đen trắng / Màu) - Letter: 18 / 18 ppm (Đen trắng / Màu) Độ phân giải khi in tối thiểu 600 x 600 dpi Định dạng file hỗ trợ In trực tiếp từ USB; Hỗ trợ in không dây In Bảo mật Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	20.000.000	Vụ Thanh tra - Kiểm tra thuộc Tổng cục; Các Phòng nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường; Phòng Nghiệp vụ tổng hợp; Phòng Thanh - Pháp chế; Phòng Phối hợp liên ngành thuộc Cục Quản lý thị trường; các Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục Quản lý thị trường.	01 thiết bị/ đơn vị	
9	Máy tính bảng	Bộ nhớ RAM tối thiểu 8GB Bộ nhớ trong tối thiểu 128 GB Có SIM hỗ trợ 4G, 5G	30.000.000	Vụ Thanh tra - Kiểm tra thuộc Tổng cục; Các Phòng nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường; Phòng Nghiệp vụ tổng hợp; Phòng Thanh - Pháp chế; Phòng Phối hợp liên ngành thuộc Cục Quản lý thị trường; các Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục Quản lý thị trường.	01 thiết bị/ 02 Kiểm soát viên	

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Đơn giá mua tối đa (đồng/1 thiết bị)	Địa điểm trang bị	Định mức phân bổ tối đa	Ghi chú
10	Máy photocopy nghịệp vụ	- Tốc độ tối thiểu 40 bản/phút, - Quét bản gốc 01 lần, - Chia bộ điện tử, tự động đảo bản chụp, - Có bộ phận tự động nạp và đảo bản gốc, - Khay giấy chuẩn: 2 khay x 550 tờ, 1 khay tay x 100 tờ - Dung lượng tối thiểu: 1GB+HDD 250GB - Bảo hành tối thiểu 12 tháng hoặc 80.000 bản chụp theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tại địa điểm lắp đặt. - Bảo dưỡng bảo trì tối thiểu 02 năm kể từ khi lắp đặt. - Có hộp mực đi kèm.	150.000.000	Văn phòng Tổng cục Quản lý thị trường	04 thiết bị	
				Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Thanh tra - Kiểm tra; Vụ Pháp chế; Vụ Tổng hợp - Kế hoạch - Tài chính; Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường	01 thiết bị/ đơn vị	
				Các Cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (không bao gồm các Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục)	01 thiết bị/ 30 CBCC (đảm bảo tối thiểu 01 thiết bị/đơn vị)	
				Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục.	01 thiết bị/ đơn vị	

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Đơn giá mua tối đa (đồng/1 thiết bị)	Địa điểm trang bị	Định mức phân bổ tối đa	Ghi chú
11	Máy scan nghiệp vụ	Scan 02 mặt tự động, - Tốc độ tối thiểu 40 tờ/ phút, 80 ảnh/phút; - Công suất tối thiểu 3000 tờ/ngày; - Khổ giấy tiêu chuẩn; - Nạp giấy tự động; - Bảo hành 01 năm theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tại địa điểm lắp đặt.	35.000.000	Văn phòng Tổng cục Quản lý thị trường	06 thiết bị	
				Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Thanh tra - Kiểm tra; Vụ Pháp chế; Vụ Tổng hợp - Kế hoạch - Tài chính; Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường	02 thiết bị/ đơn vị	
				Các Cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (không bao gồm các Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục)	01 thiết bị/ 30 CBCC (đảm bảo tối thiểu 01 thiết bị/đơn vị)	
				Đội Quản lý thị trường cấp huyện thuộc Cục.	01 thiết bị/ đơn vị	
12	Tàu					
	Loại 1	- Tổng công suất máy chính ≥ 2.000 HP	Theo quyết định mua sắm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Cục Quản lý thị trường thành phố Hải Phòng, Quảng Ninh.	01 chiếc/ đơn vị	
	Loại 2	- Tổng công suất máy chính < 2.000 HP	Theo quyết định mua sắm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Hải Phòng, Bình Định, Kiên Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu	01 chiếc/ đơn vị	

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Đơn giá mua tối đa (đồng/1 thiết bị)	Địa điểm trang bị	Định mức phân bổ tối đa	Ghi chú
13	Ca nô					
	Loại 1	- Tổng công suất máy chính ≥ 200 HP	Theo quyết định mua sắm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bình Định, Kiên Giang, An Giang, Nghệ An, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đồng Tháp, Thừa Thiên Huế, Cà Mau, Cần Thơ	01 chiếc/ đơn vị	
	Loại 2	- Tổng công suất máy chính < 200 HP	Theo quyết định mua sắm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Cục Quản lý thị trường tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Quảng Ninh, Long An, Cần Thơ, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Nghệ An, Thanh Hóa	01 chiếc/ đơn vị	

Ghi chú:

- Trường hợp định mức tính theo thiết bị/CBCC, số lượng CBCC được tính trên cơ sở số lượng cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao, không bao gồm chỉ tiêu lao động hợp đồng.

Nếu tỷ lệ giữa số lẻ CBCC và định mức phân bổ lớn hơn $1/3$ thì được trang bị bổ sung thêm 01 thiết bị chuyên dùng, ví dụ như: Máy photocopy nghiệp vụ loại 2 định mức 01 thiết bị/30CBCC: nếu đơn vị có 42CBCC thì $(42-30)/30 > 1/3$ thì được trang bị bổ sung thêm 01 thiết bị; nếu đơn vị có 37CBCC thì $(37-30)/30 < 1/3$ nên không được trang bị bổ sung thêm.

- Trường hợp định mức tính theo thiết bị/số lượng Kiểm soát viên, số lượng Kiểm soát viên được tính trên cơ sở số lượng công chức Quản lý thị trường được cấp thẻ Kiểm soát viên thị trường, không bao gồm công chức chưa được cấp thẻ kiểm tra thị trường.

Nếu tỷ lệ giữa số lẻ Kiểm soát viên và định mức phân bổ là 1 thì không được trang bị bổ sung thêm 01 thiết bị chuyên dùng, ví dụ: Máy tính xách tay chuyên dùng chống va đập định mức 01 thiết bị/02 Kiểm soát viên, nếu đơn vị có 11 Kiểm soát viên thì chỉ được trang bị 05 máy tính xách tay chuyên dùng chống va đập.